

Số: 2998/QĐ-UBND

Bến Cầu, ngày 10 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách  
Quý 3 năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân  
sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của  
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân  
sách;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân  
dân huyện Bến Cầu Khóa XII, Kỳ họp thứ hai về dự toán ngân sách nhà nước và  
phương án phân bổ ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2022;

Theo Tờ trình số 180/TTr-TCKH ngày 10/10/2022 của Trưởng Phòng Tài  
chính- Kế hoạch huyện.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2022  
(theo các biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện,  
Trưởng Phòng Tài chính- Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ  
chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Công thông tin;
- Lưu: VT.TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

K. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



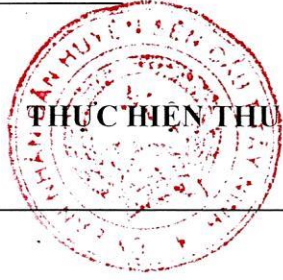
Trần Thanh Mềm



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 3 NĂM 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ 3	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>312 410</b>	<b>98 096</b>	<b>31.40%</b>	<b>134.65%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>312 410</b>	<b>98 096</b>	<b>31.40%</b>	<b>134.65%</b>
1	Thu nội địa	71 570	53 096	74.19%	213.64%
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	239 310	45 000	18.80%	93.75%
	- Thu bổ sung cân đối	238 620	45 000	18.86%	93.75%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	690			
II	Từ các khoản thu phân chia	1 530			
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>312 410</b>	<b>78 576</b>	<b>25.15%</b>	<b>113.60%</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>311 720</b>	<b>78 218</b>	<b>25.09%</b>	<b>113.69%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	27 710	10 561	38.11%	122.29%
2	Chi thường xuyên	277 780	65 651	23.63%	114.39%
3	Dự phòng ngân sách	6 230	2 006	32.20%	72.34%
<b>II</b>	<b>CHI MỤC TIÊU NHIỆM VỤ</b>	<b>690</b>	<b>358</b>	<b>51.88%</b>	<b>96.24%</b>



## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 3 NĂM 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ 3	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>312 410</b>	<b>98 096</b>	<b>31.40%</b>	<b>134.65%</b>
I	<b>Thu nội địa</b>	<b>71 570</b>	<b>53 096</b>	<b>74.19%</b>	<b>213.64%</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	15 000	5 169	34.46%	154.90%
4	Thuế thu nhập cá nhân	17 000	12 338	72.58%	461.92%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	6 500	6 494	99.91%	1080.53%
7	Thu phí và lệ phí	2 100	239	11.38%	543.18%
8	Các khoản thu về nhà, đất	20 870	26 646	127.68%	160.64%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		65		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	48	48.00%	4800%
-	Thu tiền sử dụng đất	20 000	26 442	132.21%	159.55%
-	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	770	91	11.82%	
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	10 000	2 210	22.10%	138.91%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	100		0.00%	
II	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>239 310</b>	<b>45 000</b>	<b>18.80%</b>	<b>93.75%</b>
	Thu bổ sung cân đối	238 620	45 000	18.86%	93.75%
	Thu bổ sung có mục tiêu	690		0.00%	
B	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>1 530</b>			
1	Từ các khoản thu phân chia	1 530			
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%				



## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ 3 NĂM 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ 3	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>312,410</b>	<b>78,576</b>	<b>25.15%</b>	<b>114.21%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>311,720</b>	<b>78,218</b>	<b>25.09%</b>	<b>113.69%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>27,710</b>	<b>10,561</b>	<b>38.11%</b>	<b>122.29%</b>
	- Chi đầu tư cho các dự án	27,710	10,561	38.11%	122.29%
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>277,780</b>	<b>65,651</b>	<b>23.63%</b>	<b>114.39%</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	131,650	29,475	22.39%	105.17%
2	Chi khoa học công nghệ	130	9	6.92%	150.00%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1,600	367	22.94%	99.46%
4	Chi văn hóa, thể thao và truyền thanh	4,920	872	17.72%	95.20%
5	Chi bảo vệ môi trường	3,150	293	9.30%	27.33%
6	Chi sự nghiệp kinh tế	26,610	6,614	24.86%	93.04%
7	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	65,052	17,412	26.77%	95.05%
8	Chi đảm bảo xã hội	17,620	3,136	17.80%	107.84%
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>6,230</b>	<b>2,006</b>	<b>32.20%</b>	<b>72.34%</b>
<b>B</b>	<b>CHI MỤC TIÊU NHIỆM VỤ</b>	<b>690</b>	<b>358</b>	<b>51.88%</b>	<b>96.24%</b>